

TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ THU MAI*

TÓM TẮT

Trí tuệ cảm xúc (TTCX), một dạng trí thông minh thể hiện việc nhận thức đúng về tình cảm và khả năng xử lý cảm xúc có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển của sinh viên (SV) nói chung và SV sư phạm - các nhà giáo tương lai nói riêng. Bài viết đề cập vấn đề nghiên cứu mức độ, biểu hiện TTCX và tìm hiểu một số nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV chính quy Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TP HCM) bằng trắc nghiệm MSCEIT (Mayer Salovey Caruso Emotional Intelligence Test) của John Mayer, Peter Salovey và David Caruso.

Từ khóa: trí tuệ, trí tuệ cảm xúc, trí tuệ cảm xúc của sinh viên.

ABSTRACT

Emotional intelligence of students at Ho Chi Minh City University of Education

Emotional intelligence, a kind of intelligence expressing right consciousness of emotions and the ability of dealing with emotions, has played a vital role in the development process of students in general and pedagogical students, who are future teachers, in particular. The article introduces the matter of studying the level and the performance of emotional intelligence among students at Ho Chi Minh city University of Education through the use of MSCEIT (Mayer Salovey Caruso Emotional Intelligence Test) by John Mayer, Peter Salovey and David Caruso.

Keywords: intelligence, emotional intelligence, student's emotional intelligence.

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ cảm xúc, một dạng trí thông minh thể hiện việc nhận thức đúng về tình cảm và khả năng xử lý cảm xúc sẽ quyết định sự thành công và hạnh phúc của mọi người thuộc mọi tầng lớp và trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Phát triển TTCX có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển của SV nói chung và SV sư phạm nói riêng. Điều này tạo cho thế hệ trẻ một nền tảng tốt về nhân cách cũng như những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống để họ có thể thành công trong tương lai. TTCX được hình thành trong

những năm đầu của cuộc đời và tiếp tục phát triển cho đến khi trưởng thành. Đối với SV, việc học hỏi để hiểu biết và phát triển những khả năng về cảm xúc là rất quan trọng. Điều này giúp cho SV nâng cao năng lực cảm xúc của bản thân và tạo dựng nền tảng cho sự phát triển của TTCX. Sự chuẩn bị tốt về mặt cảm xúc ở giai đoạn đang học tập về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của SV Trường ĐHSP TP HCM sẽ giúp SV tự tin và bản lĩnh trong nghề nghiệp tương lai.

Đề tài nghiên cứu này thực hiện việc khảo sát mức độ và biểu hiện TTCX của 753 SV chính quy ở các khoa Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh và Tâm lý - Giáo

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

dục ở Trường ĐHSPTPHCM thông qua trắc nghiệm MSCEIT (Mayer Salovey Caruso Emotional Intelligence Test) của John Mayer, Peter Salovey và David Caruso, version 2.0, 2002, dành cho người lớn từ 16 tuổi trở lên và tìm hiểu một số nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX với 142 SV Trường ĐHSPTPHCM.

2. Thực trạng trí tuệ cảm xúc của sinh viên Trường ĐHSPTPHCM

2.1. Kết quả khảo sát mức độ và biểu hiện trí tuệ cảm xúc của SV ĐHSPTPHCM

TPHCM

Kết quả trắc nghiệm mức độ và biểu hiện TTCX của 753 SV ĐHSPTPHCM có điểm TB của toàn bài trắc nghiệm (điểm thô) là 56,522, biên lượng là 52,344, với 141 mục hỏi có hệ số tin cậy của toàn bài trắc nghiệm (Cronbach’s Alpha) là 0,836. Với kết quả này, trắc nghiệm MSCEIT có thể được xem là có độ tin cậy tốt trên mẫu nghiên cứu.

2.1.1. Mức độ TTCX của SV ĐHSPTPHCM (xem bảng 1)

Bảng 1. Mức độ TTCX của SV ĐHSPTPHCM

Mức độ	Tần số	Tỉ lệ %	TB	ĐLC	TSTN	TSCN
Rất cao (≥ 120)	35	4,6	100	15	42	126
Cao (110-119)	166	22,1				
Trung bình (90-109)	387	51,4				
Thấp (70-89)	131	17,4				
Rất thấp (< 70)	34	4,5				
Tổng	753	100				

(TB: Điểm trung bình, ĐLC: Độ lệch chuẩn, TSTN: Trị số thấp nhất, TSCN: Trị số cao nhất)

Bảng 1 cho thấy TTCX của SV ĐHSPTPHCM chỉ ở mức TB là 100,00. ĐLC khá cao (15) thể hiện sự phân tán rõ rệt về chỉ số TTCX giữa các SV. Sự chênh lệch giữa điểm TTCX cao nhất và thấp nhất cũng rất lớn (TSTN = 42, TSCN = 126). Cả hai điều này chứng tỏ TTCX của SV ĐHSPTPHCM phát triển chưa đồng đều và ít tập trung.

Dựa vào cách phân loại mức độ TTCX, có 51,4% SV ĐHSPTPHCM ở mức TB về chỉ số TTCX. Tỉ lệ SV có TTCX ở mức cao là 22,1%, tỉ lệ SV có TTCX ở mức thấp là 17,4%. Đặc biệt, có

4,6% tổng số SV có TTCX ở mức rất cao, tỉ lệ này xấp xỉ với tỉ lệ SV có TTCX ở mức rất thấp (chiếm 4,5%). Mặc dù vậy, cả hai mức độ này vẫn chiếm tỉ lệ khá thấp.

2.1.2. Mức độ các mặt biểu hiện TTCX của SV ĐHSPTPHCM

Để có cái nhìn tổng thể về TTCX của SV ĐHSPTPHCM, chúng tôi tiến hành phân tích từ hai mặt cơ bản của TTCX đến những biểu hiện cụ thể của TTCX.

a. Mức độ hai mặt biểu hiện TTCX của SV ĐHSPTPHCM (xem bảng 2)

Bảng 2. Mức độ hai mặt biểu hiện TTCX của SV ĐHSPTPHCM

Hai mặt biểu hiện	TB	ĐLC	TSTN	TSCN	Thứ bậc
Trí tuệ trải nghiệm cảm xúc	32,665	5,103	13,37	41,79	1
Trí tuệ chiến lược cảm xúc	23,857	3,091	9,59	29,42	2

Bảng 2 cho thấy, SV ĐHSPTPHCM có mức độ trí tuệ trải nghiệm cảm xúc TB là 32,665 cao hơn hẳn mức độ trí tuệ chiến lược cảm xúc TB là 23,857. Khi so sánh điểm cao nhất và thấp nhất thì trí tuệ trải nghiệm cảm xúc cũng cao hơn trí tuệ chiến lược cảm xúc ở cả hai chỉ số. Mặc dù vậy, trí tuệ trải nghiệm cảm xúc lại có độ phân tán là 5,103 cao hơn độ phân tán của trí tuệ chiến lược cảm xúc là 3,091. Như vậy, SV ĐHSPTPHCM có mức điểm TB trí tuệ chiến lược cảm xúc đồng đều và tập trung hơn trí tuệ trải nghiệm cảm xúc.

Thành phần trí tuệ trải nghiệm cảm xúc chủ yếu hướng vào bản thân, bao gồm các mặt nhận biết những cảm xúc đang diễn ra ở bản thân; xét đoán những cảm xúc của người khác thông qua hành vi, cử chỉ của họ; nhận thức được nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó; nhận ra những cảm xúc của người khác trong các mối quan hệ; và nhận ra sự thay đổi cũng như hướng phát triển các cảm xúc của bản thân và người khác. Trong khi đó, các mối quan hệ của SV chủ yếu diễn ra trong khuôn khổ nhà trường, gia đình mà nổi bật là các mối quan hệ bạn bè được diễn ra trong hoạt động học tập. Môi trường làm cho SV có những điểm tương đồng trong đời sống xúc cảm, tình cảm và nhận thức. Các em thường tiếp xúc với nhau, trao đổi, học tập, chuyện trò trong

các mối quan hệ bạn bè thân quen và hiểu rõ về nhau, đồng thời khả năng nhận thức ở lứa tuổi này cũng phát triển mạnh mẽ. Do vậy, việc nhận ra và hiểu được các mức độ khác nhau về cảm xúc của mình, của bạn cũng như nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó đối với các em không phải là quá khó. Thế nên, mặt trí tuệ trải nghiệm cảm xúc của SV cũng đạt điểm TB cao.

Trí tuệ chiến lược cảm xúc chủ yếu lại hướng ra bên ngoài, hướng đến người khác. Thành phần này đòi hỏi SV phải có khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân được bộc lộ trong các mối quan hệ với người khác, trong công việc, trong sự hợp tác. Đối với SV, những người sống trong môi trường ít thay đổi, thường xuyên được sự che chở, bảo bọc của nhà trường và gia đình, các mối quan hệ cá nhân lại được dựa trên cơ sở quen biết và hiểu rõ về nhau nên ít va chạm với các tình huống phức tạp ngoài xã hội, ít kinh nghiệm sống. Do đó, khi gặp các tình huống lạ, phức tạp, thì các em dễ dàng lúng túng, xử lý không đạt hiệu quả cao. Các em khó có thể tự chủ, tự điều khiển cảm xúc của bản thân và tự trấn an tinh thần để thoát khỏi cảm xúc tiêu cực. Vì vậy, điểm TB trí tuệ chiến lược cảm xúc đạt mức thấp hơn so với trí tuệ trải nghiệm cảm xúc.

b. Mức độ bốn mặt biểu hiện TTCX của SV ĐHSPTPHCM (xem bảng 3)

Bảng 3. Mức độ bốn mặt biểu hiện TTCX của SV ĐHSPTPHCM

Bốn mặt biểu hiện	TB	ĐLC	TSTN	TSCN	Thứ bậc
Nhận biết cảm xúc	18,85	3,45	8,24	25,26	1
Cảm xúc hóa tư duy	13,81	2,48	4,03	17,97	3
Hiểu biết cảm xúc	14,90	2,17	4,49	18,87	2
Điều khiển, quản lí cảm xúc	8,96	1,47	4,33	11,83	4

Bảng 3 cho thấy SV ĐHSPTPHCM có mức độ bốn mặt TTCX không đồng đều. Sự chênh lệch về điểm TB giữa bốn mặt TTCX thể hiện sự phân hóa và chưa cân bằng trong sự phát triển bốn mặt biểu hiện TTCX ở SV.

Mặt biểu hiện nhận biết cảm xúc của SV ĐHSPTPHCM có điểm TB là 18,85 xếp thứ bậc 1 trong số bốn mặt biểu hiện. Điều này nói lên rằng năng lực nhận biết cảm xúc của bản thân và người khác là mặt biểu hiện nổi trội và chiếm ưu thế nhất trong các năng lực TTCX của SV.

Năng lực hiểu biết cảm xúc được xếp vị trí thứ hai với mức điểm TB là 14,90 và ĐLC là 2,17. Thành phần liên quan đến khả năng hiểu, thấu hiểu, thông cảm, đồng cảm, tôn trọng, thúc đẩy và truyền cảm xúc để khích lệ, an ủi người khác. Khả năng này được bộc lộ ở chỗ cá nhân hiểu được xúc cảm, tình cảm của bản thân, đặc biệt nhấn mạnh khả năng hiểu được xúc cảm, tình cảm của người khác, quan tâm đến những nhu cầu, mong muốn của người khác và nâng đỡ người khác cùng phát triển.

Năng lực cảm xúc hóa tư duy xếp ở vị trí thứ 3 với mức điểm TB là 13,81, mặc dù ĐLC là 2,48 nhưng khi xem xét mức điểm cao nhất và thấp nhất thì ta thấy có sự chênh lệch rất lớn (TSCN = 17,975, TSTN = 4,03). Như vậy, mặc dù

phần lớn SV có mức điểm TB ở năng lực này tương đối đồng đều nhau nhưng cũng có một vài SV có điểm số khá thấp so với các bạn. Năng lực này đòi hỏi các em phải quan tâm đến các trạng thái cảm xúc bên trong để hướng dẫn cảm xúc hỗ trợ cho tư duy, trí nhớ và các quá trình nhận thức.

Năng lực điều khiển, quản lí cảm xúc xếp ở vị trí cuối cùng với điểm TB là 8,96, thấp hơn nhiều so với các năng lực khác. ĐLC 1,47 cho thấy ở năng lực này, mức độ phân tán giữa các SV không cao. Năng lực điều khiển, quản lí cảm xúc có mức điểm thấp đều ở hầu hết SV, trong đó SV đạt điểm cao nhất cũng chỉ ở mức 11,83 – Mức điểm này thấp hơn so với mức điểm cao nhất của các năng lực khác của TTCX ở SV.

Từ đó cho thấy, năng lực điều khiển, quản lí cảm xúc của SV còn thấp là do các em dễ bị kích động mạnh và khi rơi vào tâm trạng xúc động đó thì khó kiểm chế được bản thân, những hành vi và lời nói lúc này đều bị cảm xúc chi phối. Tuy nhiên, những cảm xúc tiêu cực này không xuất hiện một cách thường xuyên đối với các em. Điều này cho thấy cần quan tâm đến việc rèn luyện năng lực điều khiển, quản lí cảm xúc của SV sư phạm - các nhà giáo tương lai.

c. Mức độ tám mặt biểu hiện TTCX của SV ĐHSPTPHCM (xem bảng 4)

Bảng 4. Mức độ tám mặt biểu hiện TTCX của SV ĐHSPTPHCM

Tám mặt biểu hiện	TB	ĐLC	TSTN	TSCN	Thứ bậc
Khả năng nhận biết cảm xúc qua các khuôn mặt	8,76	1,66	2,52	11,45	3
Khả năng nuôi dưỡng các cảm xúc tích cực	6,59	1,37	1,63	8,61	5
Khả năng hiểu những thay đổi về cảm xúc	10,07	1,58	2,68	12,54	2
Khả năng quản lí các cảm xúc của bản thân	6,06	1,01	2,82	8,16	6
Khả năng nhận biết cảm xúc biểu lộ qua các bức tranh	10,09	2,43	4,34	14,30	1
Khả năng xét đoán sự tiến triển các cảm xúc	7,23	1,68	1,47	9,4	4
Hiểu sự biến đổi, hòa trộn các cảm xúc phức hợp	4,83	1,06	1,17	6,38	7
Quản lí cảm xúc trong quan hệ với người khác	2,90	0,72	0,87	4,04	8

Bảng 4 cho thấy khả năng nhận biết cảm xúc biểu lộ qua các bức tranh của SV ĐHSPTPHCM xếp vị trí thứ 1 với điểm TB là 10,09 và ĐLC là 2,43. Sự chênh lệch điểm số giữa SV có điểm cao nhất (TSCN = 14,30) và SV có điểm thấp nhất (TSTN = 4,34) là rất lớn so với các mặt biểu hiện khác. ĐLC là 2,43 cũng cao hơn so với các mặt biểu hiện khác. Dù xếp ở vị trí thứ 1 nhưng điểm số có sự phân tán lớn, không tập trung, cho thấy tuy cùng một năng lực nhưng có SV ở mức cao và cũng có SV ở mức rất thấp.

Khả năng hiểu những thay đổi về cảm xúc đạt mức TB là 10,07 và ĐLC là 1,58 (xếp thứ 2). Khả năng nhận biết cảm xúc qua các khuôn mặt có điểm TB là 8,76 và ĐLC là 1,66 (xếp thứ 3). Đời sống cảm xúc của SV đã bắt đầu có sự đa

dạng trong các mối quan hệ với nhiều dạng người trong nhiều hoàn cảnh. Do vậy, mặc dù mặt nhận biết cảm xúc qua các khuôn mặt là một trong những mặt dễ dàng đạt điểm số cao nhưng vẫn xếp ở vị trí thấp hơn mặt nhận biết cảm xúc qua các bức tranh.

Xếp vị trí thứ 4 là khả năng xét đoán sự tiến triển các cảm xúc với điểm TB là 7,23 và ĐLC là 1,68. Điều này cho thấy khả năng xét đoán sự tiến triển các cảm xúc của SV phát triển không đồng đều.

Xếp vị trí thứ 5 là khả năng nuôi dưỡng các cảm xúc tích cực với điểm TB là 6,59 và ĐLC là 1,37. Với điểm TB 6,06 (ĐLC là 1,01) và xếp ở vị trí thứ sáu là khả năng quản lí các cảm xúc của bản thân. Hai khả năng này đòi hỏi SV phải

có tính chủ động, ý thức của cá nhân trong việc kiểm soát, chế ngự, dập tắt hoặc loại bỏ những cảm xúc tiêu cực, biết tự trấn an tinh thần thoát khỏi lo âu, căng thẳng...; từ đó, cá nhân duy trì nuôi dưỡng hoặc tạo ra những cảm xúc có ích trong quá trình thực hiện mục tiêu hoặc tương tác với người khác. Tuy nhiên, kết quả này cho thấy SV ĐHSP TPHCM chưa quan tâm nhiều đến khả năng này, mặc dù ở lứa tuổi SV đã hình thành sự tự ý thức mạnh mẽ và luôn khát khao phấn đấu để hoàn thiện nhân cách.

Xếp vị trí thứ 7 là khả năng hiểu sự biến đổi, hòa trộn của các cảm xúc phức hợp với điểm TB là 4,83 và ĐLC là 1,06. Như vậy, khả năng hiểu được những trạng thái cảm xúc khác nhau, những cung bậc cảm xúc, sự đan xen của chúng trong quan hệ với người khác ở SV còn rất mơ hồ. Điều này cũng rất phù hợp, bởi lẽ nhìn từ góc độ kinh nghiệm sống,

sự trải nghiệm cuộc sống của SV chưa nhiều thì sự thiếu hụt về khả năng quan sát, con mắt tinh tường trong nhận xét của các em cũng là chuyện đương nhiên.

Mặt quản lí cảm xúc trong quan hệ với người khác xếp vị trí cuối cùng với điểm TB là 2,90, ĐLC 0,72; trong đó, SV có điểm số cao nhất cũng chỉ đạt 4,04. Như vậy, hầu như tất cả SV đều còn yếu ở mặt biểu hiện này, đồng thời sự phân cách của điểm số cao nhất (TSCN là 4,04) và điểm số thấp nhất (TSTN là 0,87) của các em cũng không cao.

Như vậy, biểu hiện của SV ĐHSP TPHCM qua 8 phần của trắc nghiệm MSCEIT có sự chênh lệch khá rõ. Hầu như SV đều có biểu hiện tốt ở các mặt nhận biết, bày tỏ cảm xúc và mặt hiểu sự vận hành, tiến triển của cảm xúc.

2.2. Kết quả nghiên cứu mức độ TTCX của SV ĐHSP TPHCM theo khoa (xem bảng 5)

Bảng 5. Mức độ TTCX của SV ĐHSP TPHCM theo khoa

Khoa	N	Mức độ trí tuệ cảm xúc (%)					ĐTB (Mean)	ĐLC (S.D.)	Mức nghĩa (Sig.)
		Rất cao	Cao	TB	Thấp	Rất thấp			
Ngữ văn	196	3,8	16,3	56,5	18,9	4,5	97,97	15,076	0,000
Vật lí	185	3,2	20,0	48,6	18,9	9,3	96,86	16,928	
Tiếng Anh	154	6,5	27,3	48,1	16,2	1,9	103,14	13,235	
Tâm lí – Giáo dục	218	5,5	25,2	51,4	15,6	2,3	102,26	15,593	
Tổng	753								

So sánh mức độ TTCX giữa các khoa Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh và Tâm lí – Giáo dục, bảng 5 cho thấy mức độ TTCX của SV Khoa Tiếng Anh có điểm

TB cao nhất với 103,14 (ĐLC là 13,235), tỉ lệ SV Khoa Tiếng Anh có mức độ TTCX rất cao là 6,5%, cao là 27,3% cũng chiếm tỉ lệ cao nhất so với các khoa khác.

Xếp thứ 2 là SV Khoa Tâm lí – Giáo dục với điểm TB là 102,26 (ĐLC là 13,593); xếp thứ 3 là SV Khoa Ngữ văn với điểm TB là 97,97 (ĐLC là 15,076); xếp thứ 4 là SV Khoa Vật lí với điểm TB là 96,86 (ĐLC là 16,928). Kết quả kiểm nghiệm F test cho thấy có sự khác biệt có

ý nghĩa giữa các khoa Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh và Tâm lí – Giáo dục về mức độ TTCX của SV ($P = 0,000$).

2.3. Kết quả nghiên cứu mức độ TTCX của SV ĐHSPTPHCM theo khối lớp (xem bảng 6)

Bảng 6. Mức độ TTCX của SV ĐHSPTPHCM theo khối lớp

Khối lớp	N	Mức độ trí tuệ cảm xúc (%)					ĐTB	ĐLC	Mức ý nghĩa (Sig.)
		Rất cao	Cao	TB	Thấp	Rất thấp			
Năm 2	432	4,9	25,2	53,7	13,0	3,2	101,95	13,495	0,000
Năm 4	321	4,4	17,8	48,3	23,4	6,1	97,38	16,476	
Tổng	753								

Bảng 6 cho thấy điểm TB mức độ TTCX của SV năm 2 (Khóa 37) là 101,95 (ĐLC là 13,495) cao hơn so với điểm TB mức độ TTCX của SV năm 4 (Khóa 35) là 97,38 (ĐLC là 16,476). Tuy nhiên, mức độ TTCX ở mức TB của SV năm 2 (Khóa 37) là 53,7%, cao hơn mức độ TTCX ở mức TB của SV năm 4

(Khóa 35) là 48,3%.

Kết quả kiểm nghiệm F test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các khối lớp năm 2 và năm 4 về mức độ TTCX của SV ($P = 0,000$).

2.4. Kết quả nghiên cứu mức độ TTCX của SV ĐHSPTPHCM theo giới tính (xem bảng 7)

Bảng 7. Mức độ TTCX của SV ĐHSPTPHCM theo giới tính

Giới tính	N	Mức độ trí tuệ cảm xúc (%)					ĐTB	ĐLC	Mức ý nghĩa (Sig.)
		Rất cao	Cao	TB	Thấp	Rất thấp			
Nam	196	3,1	15,8	50,0	20,9	2,2	95,44	16,734	0,000
Nữ	557	5,2	24,2	51,9	16,2	2,5	101,61	14,007	
Tổng	753								

Kết quả nghiên cứu mức độ TTCX của SV ĐHSPTPHCM theo giới tính cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa nam và nữ với $P = 0,000$.

Theo bảng 7, tỉ lệ SV nữ có mức độ

TTCX cao hơn nam. Ở SV nữ, mức cao là 24,2% và mức rất cao chiếm 5,2%; trong khi ở SV nam, mức cao là 15,8% và mức rất cao là 3,1%.

Bên cạnh đó, điểm TB của SV nữ

(101,61) cao hơn hẳn so với điểm TB của SV nam (95,44). Mặt khác, điểm TB của SV nữ cao hơn điểm TB chung (TB chung = 100,00) trong khi điểm TB của SV nam thấp hơn hẳn so với điểm TB chung. Độ phân tán điểm số quanh điểm TB của SV nữ (14,007) thấp hơn độ phân tán điểm số quanh điểm TB của SV nam (16,734). Điều này cho thấy mức độ TTCX của SV nữ tập trung và đồng đều hơn SV nam.

2.5. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV ĐHSP TPHCM

Chúng tôi tiến hành điều tra các

nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV ĐHSP TPHCM trên mẫu là 142 SV.

Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân được chia thành 5 mức (rất nhiều, nhiều, TB, ít và không ảnh hưởng), được chấm điểm tương ứng từ 5 đến 1. Theo đó, mức điểm từ 1 – 2,5 là mức thấp; 2,6 đến 3,5 là mức TB; 3,6 – 5 là mức cao.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 8 dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân đến sự phát triển TTCX của SV ĐHSP TPHCM ở mức gần cận mức cao (với mức điểm là 3,44).

Bảng 8. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV ĐHSP TPHCM

TT	Các nguyên nhân ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng (%)					ĐTB	Thứ bậc
		RN	Nhiều	TB	Ít	KAH		
1	Chưa biết phương pháp tập luyện để nâng cao TTCX	15,5	39,4	32,4	10,6	2,1	3,56	6
2	Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động có tính tập thể ở trường, xã hội	19,7	47,2	27,5	5,6	0,0	3,81	4
3	Nhu cầu, mong muốn nâng cao TTCX	32,4	47,9	16,9	2,1	0,7	4,09	2
4	Chưa nhận thức vai trò của TTCX trong hoạt động sống và công việc	8,5	35,2	33,1	16,9	6,3	3,23	11
5	Chưa có tri thức, hiểu biết về TTCX	9,2	27,5	33,1	25,4	4,9	3,11	13
6	Phạm vi mối quan hệ còn bó hẹp chủ yếu trong nhà trường	11,3	27,5	44,4	10,6	6,3	3,27	9
7	Ít tiếp xúc, va chạm, trải nghiệm với cuộc sống xã hội	29,6	31,0	21,8	11,3	6,3	3,66	5
8	Ảnh hưởng của nhóm bạn thân	10,6	36,6	28,2	16,9	7,7	3,25	10
9	Di truyền từ cha mẹ	10,6	20,4	34,5	26,8	7,7	2,99	14
10	Nội dung các môn học trong nhà trường	4,2	35,9	44,4	8,5	7,0	3,22	12

11	Phong cách dạy và giao tiếp của giáo viên	9,8	36,6	34,5	14,8	4,2	3,33	8
12	Nghề nghiệp của cha mẹ	3,5	19,7	32,4	28,2	16,2	2,66	15
13	Các hoạt động tập thể trong nhà trường	9,9	40,8	36,6	8,5	4,2	3,44	7
14	<i>Giáo dục gia đình: cách cư xử, thể hiện tình cảm...</i>	32,4	52,1	12,0	3,5	0,0	4,13	1
15	Hoàn cảnh sống	23,2	47,9	21,1	5,6	2,1	3,85	3
Mức TB							3,44	

(RN: Rất nhiều, TB: Trung bình, KAH: Không ảnh hưởng)

Trong 15 nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV thì các nguyên nhân có thứ tự từ 1 đến 7 là những nguyên nhân chủ quan, bao gồm: chưa biết phương pháp tập luyện để nâng cao TTCX; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động ở trường và xã hội; nhu cầu, mong muốn nâng cao TTCX; chưa nhận thức được vai trò của TTCX trong hoạt động sống, công việc; chưa có tri thức, hiểu biết về TTCX; phạm vi mối quan hệ còn bó hẹp, chủ yếu trong nhà trường; ít tiếp xúc, va chạm, trải nghiệm với cuộc sống xã hội. Các nguyên nhân có thứ tự từ 8 đến 15 là những nguyên nhân khách quan, bao gồm: ảnh hưởng của nhóm bạn thân; di truyền từ cha mẹ; nội dung các môn học trong nhà trường; phong cách dạy và giao tiếp của giáo viên; nghề nghiệp của cha mẹ; các hoạt động tập thể trong nhà trường; giáo dục gia đình: cách cư xử, thể hiện tình cảm; hoàn cảnh sống.

Nhóm các nguyên nhân được đánh giá là có ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của các em ở mức cao là giáo dục gia đình: cách cư xử, thể hiện tình cảm... xếp vị trí thứ 1 với mức TB là 4,13. Có

đến 32,4% và 52,1% SV cho rằng nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức rất nhiều và nhiều đến sự phát triển TTCX của các em. Chỉ có 3,5% SV cho rằng nguyên nhân này có mức độ ảnh hưởng ít đến sự phát triển TTCX của các em và không có SV nào cho rằng yếu tố này không ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX. Điều này cho thấy, cách cư xử, giao tiếp, cách thể hiện bản thân, cách thể hiện tình cảm, cách sống hòa đồng với người khác... được các em linh hội từ trong giáo dục gia đình có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự phát triển TTCX của các em từ khi còn nhỏ đến lúc trưởng thành.

Xếp vị trí thứ 2 là nguyên nhân từ nhu cầu, mong muốn nâng cao TTCX với mức TB là 4,09; trong đó, có 80,3 % SV đánh giá nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức độ từ nhiều đến rất nhiều và cũng chỉ có 2,8 % SV nhận định nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức độ ít và không ảnh hưởng. Xếp vị trí thứ 3 là sự ảnh hưởng từ hoàn cảnh sống với mức điểm TB là 3,85.

Như vậy, theo đánh giá của SV, trong nhóm các nguyên nhân có ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của các

em ở mức cao thì nguyên nhân từ gia đình là quan trọng nhất, kể đến là bản thân và môi trường sống của các em.

Trong số các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV ĐHSPTPHCM thì nghề nghiệp của cha mẹ là có ảnh hưởng ở mức thấp nhất với mức điểm TB 2,66. Chỉ có 23,2 % SV cho rằng nghề nghiệp của cha mẹ ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của các em ở mức nhiều và rất nhiều.

Khi xem xét ở góc độ các nguyên nhân chủ quan (từ nguyên nhân số 1 đến 7) và các nguyên nhân khách quan (từ nguyên nhân số 8 đến 15), chúng tôi thấy rằng các nguyên nhân này có mức độ ảnh hưởng gần tương đương nhau, đan xen lẫn nhau khi xếp vị trí thứ bậc. Như vậy, đối với SV ĐHSPTPHCM, hầu như các nguyên nhân chủ quan và khách quan đều có tác động đến sự phát triển TTCX của các em ở mức độ tương đương nhau. Bởi lẽ để SV thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu nghề nghiệp nhằm khẳng định và hoàn thiện bản thân, thì cần có sự định hướng và chỉ dẫn từ nhà trường và gia đình.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng TTCX của SV ĐHSPTPHCM cho thấy mức độ TTCX nói chung của SV hầu hết ở mức TB trở lên (78,1%). Đa số SV có biểu hiện TTCX chưa đồng đều giữa các mặt, có mặt biểu hiện trí tuệ chiến lược cảm xúc thấp hơn so với mặt biểu hiện trí tuệ trải nghiệm cảm xúc. Đặc biệt là hầu hết SV đều có biểu hiện TTCX ở mặt nhận biết cảm xúc và hiểu biết cảm xúc ở mức cao hơn mặt biểu hiện cảm xúc hóa tư duy và điều khiển, quản lý cảm xúc.

Mức độ TTCX của SV giữa các khoa: Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh và Tâm lí – Giáo dục có sự khác biệt có ý nghĩa ($P = 0,000$). So sánh giữa các khối lớp và giới tính của SV về mức độ TTCX của các khoa này cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa ($P = 0,000$).

TTCX của SV chịu sự ảnh hưởng của cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan ở mức độ gần tương đương nhau. Trong nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV, nguyên nhân từ giáo dục gia đình có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất, kể đến là nguyên nhân từ nhu cầu, mong muốn nâng cao TTCX và ảnh hưởng từ hoàn cảnh sống của SV.

* **Ghi chú:** Bài viết dựa trên báo cáo và số liệu của đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Cơ sở: “Khảo sát trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh”, mã số CS.2012.19.47.

(Xem tiếp trang 113)

1. Daniel Goleman (2007), *Trí tuệ cảm xúc*, Nxb Lao động - Xã hội.
2. Trần Thị Thu Mai (chủ nhiệm đề tài); (2013), *Khảo sát trí tuệ cảm xúc của SV trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, mã số: CS.2012.19.47.
3. Trần Thị Thu Mai, Lê Thị Ngọc Thương (2012), “Khả năng kiểm soát cảm xúc của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 39 (73), tr.14-21.
4. Dương Thị Hoàng Yến (2008), “Về mô hình trí tuệ cảm xúc thuần năng lực tâm thần của J.Mayer và P. Salovey – một đóng góp quan trọng đầu tiên về quan điểm EI là một dạng trí tuệ mới”, *Tạp chí Tâm lý học*, 4 (109).
5. Robert J. Sternberg (1999), *Cognitive Psychology*, Harcourt Brace College Publishers.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-5-2013; ngày phản biện đánh giá: 03-6-2013;
ngày chấp nhận đăng: 03-6-2013)